

KẾ HOẠCH
Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh cuối học kì I
Năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (TT22);

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (TT27);

Căn cứ công văn số 3694/GDĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019 (CV 3694);

Căn cứ Công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 1571/GDĐT-TH ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 về hướng dẫn kiểm tra định kỳ cuối kỳ I năm học 2023-2024 cấp tiểu học;

Căn cứ kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024;

Trường Tiểu học Hưng việc xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh cuối học kì I năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

Việc tổ chức kiểm tra định kì phải được tổ chức nghiêm túc, đúng quy định, đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, đảm bảo khách quan, nhẹ nhàng,

không gây áp lực cho học sinh, làm cơ sở để đánh giá quá trình dạy học và quá trình đánh giá thường xuyên, coi trọng sự tiến bộ của học sinh, có biện pháp hỗ trợ, phụ đạo học sinh kịp thời. Kiểm tra định kì chỉ xem như một hoạt động đánh giá định kì thông thường hàng ngày của các em.

II. Nội dung thực hiện

1. Tổ chức ôn tập, rèn luyện cho học sinh

Khối trưởng chuyên môn tổ chức thảo luận chuyên môn trong tổ thống nhất kế hoạch ôn tập, có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh yếu kém; phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập.

2. Thời gian tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì I

MÔN	KHỐI LỚP				
	1	2	3	4	5
Tiếng Anh	<i>Theo TKB tuần 16</i>		Tuần 16 7g30 thứ Sáu 22/12/2023	Tuần 17 7g30 thứ Năm 28/12/2023	Tuần 16 9g20 thứ Năm 21/12/2023
Tin học	<i>Theo TKB tuần 16 (18/12 – 29/12/2023)</i>				
Công nghệ			Tuần 17 9g20 thứ Ba 26/12/2023	Tuần 16 7g30 thứ Năm 21/12/2023	
Lịch sử - Địa lý				Tuần 16 7g30 thứ Sáu 22/12/2023	Tuần 16 7g30 thứ Sáu 22/12/2023
Khoa học				Tuần 17 8g10 thứ Ba 26/12/2023	Tuần 17 7g30 thứ Ba 26/12/2023
Toán	Tuần 17 9g20 thứ Sáu 29/12/2023	Tuần 17 7g30 thứ Sáu 29/12/2023	Tuần 17 9g20 thứ Sáu 29/12/2023	Tuần 17 7g20 thứ Sáu 29/12/2023	Tuần 17 9g20 thứ Sáu 29/12/2023
Tiếng Việt	Tuần 18 7g30 thứ Năm 04/01/2024	Tuần 18 7g30 thứ Tư 03/01/2024	Tuần 18 7g30 thứ Năm 04/01/2024	Tuần 18 7g30 thứ Tư 03/01/2024	Tuần 18 7g30 thứ Ba 02/01/2024

3. Tổ chức ra đề kiểm tra

3.1. Lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học. Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kỹ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;
- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;
- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

3.2. Lớp 5

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 3694/GDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018-2019:

- + Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: 40%
- + Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: 30%.
- + Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: 20%
- + Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: 10%.

Lưu ý: Giáo viên soạn ma trận đề trước khi soạn đề kiểm tra, ma trận đề của mỗi giáo viên cần được tổ chuyên môn thống nhất, cán bộ quản lý xem và góp ý trước khi có thể sử dụng để biên soạn đề. Cụ thể như sau:

Bước 1: Tổ chuyên môn dựa vào ma trận nội dung cả năm đã được duyệt, tổ chức họp thống nhất thành viên trong tổ về ma trận nội dung kiểm tra cuối học kì I trình cho hiệu trưởng duyệt.

Bước 2: Dựa vào ma trận nội dung hiệu trưởng duyệt, tổ chuyên môn thống nhất thành viên trong tổ về ma trận đề kiểm tra cuối học kì I trình hiệu trưởng duyệt.

Bước 3: Căn cứ vào ma trận nội dung, ma trận đề đã được hiệu trưởng duyệt. Mỗi giáo viên soạn 1 đề kiểm tra về môn học được phân công giảng dạy, cụ thể:

- Đối với GVCN:

- + Khối 1, khối 2: 02 đề/giáo viên (01 đề Toán, 01 đề Tiếng Việt).

- + Khối 3: 03 đề/giáo viên (01 đề Toán, 01 đề Tiếng Việt, 01 đề Công nghệ).
- + Khối 4: 05 đề/giáo viên (01 đề Toán, 01 đề Tiếng Việt, 01 đề Công nghệ, 01 đề Khoa học, 01 đề Lịch sử-Địa lí).
- + Khối 5: 04 đề/giáo viên (01 đề Toán, 01 đề Tiếng Việt, 01 đề Khoa học, 01 đề Lịch sử-Địa lí).

- Đối với giáo viên môn chuyên:

- + Môn Tin học: 02 đề/khối.
- + Môn Tiếng Anh: 02 đề/giáo viên (mỗi khối được phân công dạy soạn 01 đề)

Bước 4: Tổ chức phân biện đề (phân biện từng đề cá nhân trong khối, chỉnh sửa hoàn thiện đề cá nhân theo thống nhất trong tổ chuyên môn).

Bước 5: Nộp đề về cho phó hiệu trưởng:

- + 02 đề tổ chuyên môn đề xuất làm kiểm tra (nộp file và văn bản).
- + Đề cá nhân của tất cả thành viên trong tổ (văn bản).

Đối học sinh học hòa nhập đề thực hiện như học sinh bình thường nhưng dựa vào kế hoạch cá nhân của từng học sinh mà xây dựng cho phù hợp cho từng học sinh.

3.3. Nội dung cụ thể từng môn

3.3.1. Đối với môn Tiếng Việt

a. Về ma trận:

Xây dựng ma trận cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ điểm giữa đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng với kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết kỹ thuật với kỹ năng viết đoạn văn, văn bản đối ở mỗi khối lớp. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ cho các mức độ câu hỏi, bài tập.

b. Về nội dung:

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Khuyến khích sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa cho các nội dung đánh giá. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập mang tính lý thuyết hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

c. Về hình thức:

Bài đánh giá định kì cần được thiết kế khoa học, diễn đạt trong sáng; Tránh tách riêng các nội dung thành nhiều bài đánh giá.

d. Về đáp án và biểu điểm:

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

3.3.2. Đối với môn Toán

a. Về ma trận:

Căn cứ theo Phụ lục 2 Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; căn cứ vào nội dung dạy học, hệ thống các chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình của môn học đối với lớp 5 để xác định yêu cầu cần đạt, phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình để xây dựng ma trận cân đối giữa các mạch kiến thức, có thể linh hoạt để lồng ghép các mạch kiến thức.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; theo Thông tư 22 đối với lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào.

+ Tỷ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

+ Tỷ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Sau khi lập bảng ma trận hai chiều cần kiểm tra lại toàn bộ các thông số để đảm bảo đúng cấu trúc, đủ lượng câu hỏi, đúng tỷ lệ điểm cho các mức độ nhận thức; đảm bảo tỷ lệ giữa các mạch kiến thức; tỷ lệ giữa hai hình thức trắc nghiệm, tự luận.

b. Về nội dung:

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (HS nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không HS nào làm được).

c. Về hình thức:

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

d. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3.3.3. Đối với môn Khoa học, Lịch sử-Địa lí

❖ Đối với lớp 4

- Hình thức đề:

+ Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận.

+ Thực hiện theo ma trận 3 mức độ: Mức 1 (50%), Mức 2 (30%), Mức 3 (20%).

+ Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

- Cấu trúc đề:

+ Câu hỏi trắc nghiệm: 6 điểm, khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng – Sai, điền khuyết – viết tiếp, đối chiếu cặp đôi, ...).

+ Câu hỏi tự luận: 4 điểm, khoảng 40% số lượng câu hỏi.

Lưu ý: đối với dạng câu hỏi trắc nghiệm không đưa ra phương án “tất cả các phương án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

❖ Đối với lớp 5

- Về ma trận: Nội dung kiểm tra, giáo viên cần tập trung vào kiến thức cốt lõi và yêu cầu cần đạt, không đánh đố, gây khó cho học sinh. Giáo viên xây dựng ma trận theo 4 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

- Về nội dung:

Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học);

Môn Lịch sử - Địa lí: Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

- Về hình thức: Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra. Đề kiểm tra có cấu trúc như sau:

✓ Môn Khoa học:

+ Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

+ Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

✓ **Môn Lịch sử - Địa lí:**

- Phần Lịch sử (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

3.3.4. Đối với môn Tin học và Công nghệ lớp 3, lớp 4

a. Về ma trận:

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ (đối với lớp 1, 2, 3, 4) và 4 mức độ (đối với lớp 5) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

b. Về nội dung:

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học ở lớp 1, 2: Đây là hoạt động giáo dục theo nhu cầu, do đó việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các năng lực học sinh đã được làm quen.

Đối với môn Tin học lớp 3, 4: Môn tin học là môn học bắt buộc trong chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

c. Về hình thức:

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận

hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

- + Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:
 - + Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3, 4)
 - + Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10% (đối với lớp 5)

3.3.5. Đối với môn Công nghệ lớp 3, lớp 4

a. Về ma trận:

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

b. Về nội dung:

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lý các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

c. Về hình thức:

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

- + Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
- + Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

3.3.6. Đối với môn tiếng Anh

a. Về ma trận:

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ tài liệu chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi môn tiếng Anh theo tỉ lệ mức độ khó sau: Mức 1 khoảng 50%; Mức 2 khoảng 30%; Mức 3 khoảng 20%.

b. Về nội dung:

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội

dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với môn tiếng Anh ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh.

c. Về hình thức:

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.
- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

d. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.

3.4. Việc coi, chấm kiểm tra

3.4.1. Việc coi kiểm tra:

- Đối với môn Tin học: giáo viên Tin học là giám thị 1, giáo viên chủ nhiệm là giám thị 2.
- Đối với môn Tiếng Anh: giáo viên tiếng Anh là giám thị 1, giáo viên chủ nhiệm là giám thị 2.

+ Đối với môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử - Địa lí, Công nghệ giáo viên chủ nhiệm lớp trên là giám thị 1, giáo viên chủ nhiệm của lớp là giám thị 2.

3.4.2. Việc chấm kiểm tra:

Bài kiểm tra học sinh có lời nhận xét cụ thể về việc thực hiện các kỹ năng, về sự tiến bộ hoặc các phần còn hạn chế.

+ Lớp 1, 2, 3, 4: Thực hiện theo hướng dẫn tại TT27 (Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh.)

+ Lớp 5: Thực hiện theo hướng dẫn tại TT22 (Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang 10 điểm, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh.)

4. Báo cáo, thống kê chất lượng giáo dục

- Ngày 14/12/2023: Nộp kế hoạch tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I năm học 2023-2024 về địa chỉ mail: tieuhocquan11@gmail.com

- Đối với những môn học, hoạt động giáo dục không có bài kiểm tra thực hiện báo cáo trên đường link và trên trang cơ sở dữ liệu. Hoàn tất trước ngày

29/12/2023.

- Đối với những môn học có bài kiểm tra thực hiện báo cáo trên đường link và trên trang cơ sở dữ liệu ngành. Hoàn tất trước ngày 05/01/2024.

- Ngày 07/01/2024: Hoàn thành báo cáo chất lượng giáo dục cuối học kì I năm học 2023-2024 trên trang cơ sở dữ liệu. 09 giờ ngày 08/01/2024 nhà trường khóa cổng cơ sở dữ liệu nộp báo cáo về cấp trên.

- Ngày 08/01/2024: nộp ma trận, đề, hướng dẫn chấm cuối học kì I năm học 2023-2024 về Phòng Giáo dục và Đào tạo (Tổ tiểu học).

- Ngày 10/01/2024, tất cả giáo viên nộp bảng giấy chất lượng giáo dục môn học, lớp cuối học kì I năm học 2023-2024 được phân công phụ trách về phó hiệu trưởng chuyên môn.

4. Tổ chức thực hiện

- Ngày 11/12/2023: chuyên môn tham mưu xây dựng kế hoạch.

- Ngày 12/12/2023: trình ký và ban hành kế hoạch.

- Ngày 13/12/2023 đến 09/01/2024: tổ chức thực hiện.

- Ngày 12/01/2024: báo cáo và rút kinh nghiệm.

Trên đây là kế hoạch tổ chức Tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh cuối học kì I năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học Hưng Việt. Đề nghị các bộ phận, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Q.11;
- Liên tịch nhà trường;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phan Thị Ngọc Linh